

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-PT

Ngày 20 - 03 - 2019

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng
đất và quyền sở hữu nhà

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và ngày 20 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/DS - PT ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mã T – sinh năm 1948

Địa chỉ: Số A, đường P, Khóm Z, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Kim H - sinh năm 1961

Địa chỉ: Số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Hồng D – sinh năm 1984

Địa chỉ: Địa chỉ: Số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bà Quách Thị T1 – sinh năm 1952

Địa chỉ: Số A, đường P, Khóm Z, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Số N, đường T, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Hoàng M – Chủ tịch (vắng mặt).

- Văn phòng Công chứng B (Nay là Văn phòng Công chứng Cao Thị N)

Địa chỉ: Số Z, đường Đ, Phường W, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Trưởng văn phòng: Bà Cao Thị N (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Mã T, bị đơn bà Huỳnh Kim H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hồng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Mã Tường là nguyên đơn trong vụ kiện trình bày:

Vào ngày 03/9/2011 bà Huỳnh Kim H và con trai là ông Huỳnh Hồng D có chuyển nhượng cho ông Mã T quyền sử dụng đất diện tích 43,6m², thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và một căn nhà trên đất. Giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Văn phòng Công chứng B. Do nhà chưa được chứng nhận quyền sở hữu nên trong hợp đồng không thể hiện có chuyển nhượng nhà, nhưng trên thực tế là ông T có nhận chuyển nhượng cả đất và nhà.

Sau khi ký kết xong hợp đồng thì bà H và ông D xin ở lại một thời gian để lo thu xếp xong việc, nếu như bà H có tiền thì bà H sẽ mua lại. Sau đó ông T thấy đã lâu nhưng bà H và ông D vẫn chưa trả lại nhà và đất, nên ông T nhiều lần đòi lại nhà và đất nhưng bà H và ông D cứ hẹn nhiều lần nhưng không trả. Đến ngày 17/7/2015 ông T đã làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã nhận chuyển nhượng của bà H, ông D. Sau đó ông T tiếp tục yêu cầu bà H và ông D trả lại nhà và đất nhưng bà H và ông D không trả.

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông D trả lại cho ông phần đất diện tích 43,6m² tại thửa số 07, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và căn nhà gắn liền trên đất.

Bị đơn bà Huỳnh Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản ngày 24/5/2016 và đơn xin vắng mặt và yêu cầu ngày 14/11/2018 bà H trình bày: Bà H không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 43,6m² và căn nhà trên đất cho ông M. Bà H có vay tiền của ông Mã T và thế

chấp quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T nhưng số tiền vay đã trả xong. Ông Mã T đã làm giả Hợp đồng chuyển nhượng quyền ngày 03/9/2011, Chữ ký, chữ viết và dấu vân tay Huỳnh Kim H trong hợp đồng chuyển nhượng nêu trên là giả mạo, không phải là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà H.

Vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, do bà H có khiếu nại tại Ủy ban nhân dân thành phố B. Thời hiệu vụ án này đã hết. Đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2018 và ngày 05/11/2018, ông Huỳnh Hồng D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Phần đất ông Mã T tranh chấp với gia đình ông có nguồn gốc từ ông bà của ông khai phá từ năm 1949, sau đó cho mẹ ông là bà Huỳnh Kim H quản lý sử dụng, bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2003, thửa đất số I, tờ bản đồ 30, diện tích 106,6m². Ông Mã T đã làm giả giấy tờ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần của thửa đất nêu trên.

Ông Mã T đã làm giả các giấy tờ sau: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/9/2011, nội dung của hợp đồng là bà Huỳnh Kim H và con là Huỳnh Hồng D có chuyển nhượng cho ông Mã T quyền sử dụng đất diện tích 43,6m², thửa số 7, tờ bản đồ 30, địa chỉ thửa đất tại đường V, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Thực sự ông và mẹ ông không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Mã T. Chữ ký, chữ viết và dấu vân tay Huỳnh Kim H, Huỳnh Hồng D trong hợp đồng chuyển nhượng nêu trên là giả mạo, không phải là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của Huỳnh Kim H và Huỳnh Hồng D.

Trước đó, vào khoảng tháng 5 năm 2010 bà H và ông D có vay của ông T số tiền 150.000.000 đồng, có làm giấy viết tay, lãi suất 5% mỗi tháng. Ngày 03/09/2011 ông Mã T có lập hợp đồng cho vay tiền, có mẫu và hình thức giống như hợp đồng chuyển nhượng đất ông T đã nộp cho Tòa án, ông T đã tính vốn gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi, tổng cộng thành 300.000.000 đồng. Ông T thể hiện trong hợp đồng là ông D và bà H có nợ ông T 300.000.000 đồng, lãi suất 5% mỗi tháng, trả góp hàng tháng. Ông D và bà H có ký tên vào hợp đồng vay tiền này. Ông D trả góp mỗi tháng cho ông T từ ngày ký hợp đồng đến tháng 4/2014, đã trả đầy đủ số tiền cho ông T, đóng lãi đầy đủ, tổng cộng số tiền đã trả cho ông T bao nhiêu ông không nhớ chính xác nhưng khoảng 600.000.000 đồng. Khi trả nợ gốc và lãi cho ông T, ông T có ký tên vào biên nhận. Ông chỉ giữ biên nhận viết tay, Hợp đồng vay tiền thì ông T giữ. Nhà và đất tranh chấp hiện nay có ông D và bà H đang ở, ngoài căn nhà này thì ông và bà H không có chỗ ở nào khác.

Ngày 31/5/2018 ông D yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 03/9/2011 do hợp đồng này là giả tạo; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Mã T ngày 17/7/2015. Ngày 05/11/2018 ông D rút lại yêu cầu này.

Ông yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án này với lý do đất là của bà Huỳnh Kim H, không phải của ông Mã T, nên không đủ cơ sở pháp lý để Tòa án giải quyết vụ án này; Thời hiệu giải quyết vụ án đã hết.

Bà Quách Thị T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông T, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu và Văn phòng Công chứng B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Từ nội dung trên tại bản án số 54/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 157; Điều 161; Điều 165; khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Điểm a khoản 3 Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011;

- Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 122, 450, 492, 689, 692, 697, 698 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 93 Luật Nhà ở năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009;

- Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mã T đối với bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D về việc yêu cầu bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D giao trả lại quyền sử dụng đất (phần đất ngoài lộ giới), diện tích 43,6m², thửa đất số 7, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mã T đối với bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D về việc yêu cầu bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D giao trả lại phần đất lộ giới thu hẹp lại và căn nhà trên đất tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Giao cho bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D quyền sử dụng đất nằm ngoài lộ giới diện tích $43,6m^2$ và phần đất lộ giới thu hẹp lại diện tích $30,23m^2$, thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 30 và toàn bộ căn nhà trên đất tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất có vị trí cụ thể như sau:

+ Phần đất thuộc phạm vi lộ giới quy hoạch cũ đã được thu hẹp lại:

- Hướng Đông: Giáp thửa đất 98, có số đo 6,07m;
- Hướng Tây: Giáp thửa đất 06, có số đo 6,07m;
- Hướng Nam: Giáp chỉ giới quy hoạch mới đường V, có số đo 4,90m;
- Hướng Bắc: Giáp thửa đất số 07 phần ngoài lộ giới, có số đo 5,05m.

+ Phần đất ngoài phạm vi lộ giới quy hoạch:

- Hướng Đông: Giáp thửa đất 98, có số đo 9,30m;
- Hướng Tây: Giáp thửa đất 06, có số đo 7,55m;
- Hướng Nam: Giáp chỉ giới quy hoạch cũ đường V (phần đất lộ giới thu hẹp lại nêu trên), có số đo 5,05m;
- Hướng Bắc: Giáp thửa đất số 01, có số đo 5,30m.

Bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D có quyền đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất theo quy định pháp luật.

3. Bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D có trách nhiệm giao cho ông Mã T giá trị quyền sử dụng đất diện tích $43,6m^2$, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu số tiền 470.880.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

4. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 605863 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Mã T ngày 17/7/2015.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Hồng D về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 03/9/2011 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Mã T ngày 17/7/2015.

6. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông Mã T và bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D phải chịu 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng). Ông T đã nộp và chi xong, bà H và ông D có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Tường 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng).

- Chi phí giám định: Ông Huỳnh Hồng D và bà Huỳnh Kim H phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Ông T đã nộp và chi xong, bà H và ông D có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 14/12/2018, nguyên đơn ông Mã T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Buộc bà Huỳnh Kim H và anh Huỳnh Hồng D giao trả nhà và đất ở có diện tích 43,6m², thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu lại cho ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Mã T vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 18/12/2018, bị đơn bà Huỳnh Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hồng D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mã T về việc yêu cầu bà H, anh D giao trả diện tích đất 43,6m² thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Không đồng ý giao trả quyền sử dụng đất với giá trị thành tiền là 470.880.000 đồng; không đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, phí trích lục hồ sơ, chi phí giám định. Đề nghị hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông M, ông Huỳnh Tư H1 và ông Lê Tiến L1. Đề nghị ông T, ông H, ông L1 giao trả nhà và đất ở đối với thửa số I, tờ bản đồ số 30 với diện tích 169,5m², được thành lập năm 1997; buộc ông Tường, ông H1 và ông L1 tháo dỡ công trình kiến trúc đã xây dựng di dời đi nơi khác, ông T và ông H1 phải bồi thường thiệt hại về việc tự ý hủy hoại tài sản là đất và nhà ở của gia đình bà H và anh D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hồng D vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Mã T, bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 54/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Các bên đương sự thống nhất phần đất tranh chấp là của bị đơn bà Huỳnh Kim H có diện tích là 43,6m² thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Ông Mã T xác định ông đã nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp và một căn nhà trên đất vào ngày 03/9/2011 của bà Huỳnh Kim H và con trai là ông Huỳnh Hồng D. Hợp đồng được thực hiện tại Văn phòng Công chứng B nhưng trong hợp đồng không thể hiện nội dung có chuyển nhượng nhà ở trên đất, nhưng thực tế ông có chuyển nhượng cả nhà và đất. Chứng cứ ông T cung cấp là hợp đồng chuyển nhượng ngày 03/9/2011. Bị đơn bà Huỳnh Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hồng D xác định không có chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho ông Mã T, bà H chỉ mượn tiền của ông T và đã trả xong. Ông Mã T đã làm giả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 03/09/2011, chữ ký chữ viết trong hợp đồng là giả mạo, không phải là chữ ký, chữ viết của bà H và ông D. Ngoài lời trình bày ra thì bà H, ông D không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh hợp đồng chuyển nhượng ngày 03/9/2011 là giả mạo.

[3] Xét kháng cáo của ông Mã T về việc buộc bà Huỳnh Kim H và anh Huỳnh Hồng D giao trả nhà và đất ở có diện tích 43,6m², thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Mã T khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Kim H đòi quyền sử dụng đất diện tích 43,6m² và căn nhà trên đất. Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông Mã T cung cấp cho Tòa án hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 03/9/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 605863 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Mã T ngày 17/7/2015.

Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 03/9/2011 được ký kết giữa ông Mã T và bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D vào ngày 03/9/2011 tại Văn phòng Công chứng B, nội dung của hợp đồng chuyển nhượng: Bà H và ông D chỉ chuyển nhượng cho ông T một phần thửa đất số 7, tờ bản đồ số 30, diện tích 43,6m², địa chỉ thửa đất tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Giá trị quyền sử dụng đất chuyển nhượng tại hợp đồng là 300.000.000 đồng.

Bà H, ông D đều không thừa nhận có việc chuyển nhượng nhà và đất cho ông Mã T; chữ ký, chữ viết, dấu lấn tay không phải của bà H, ông D. Tại kết luận giám định số 127/GĐ-2018 ngày 28/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu xác định:

- Dấu vân tay in ở vị trí chữ ký mang tên Huỳnh Kim H, dưới mục “BÊN A” trên tài liệu cần giám định, kí hiệu A với điểm chỉ vân tay in dưới mục “NGÓN TRỎ PHẢI” trên tài liệu mẫu so sánh, kí hiệu M1 là do cùng một người ký ra.

- Dấu vân tay in ở vị trí chữ ký mang tên Huỳnh Hồng D, dưới mục “BÊN A” trên tài liệu cần giám định, kí hiệu A với điểm chỉ vân tay in dưới mục “NGÓN TRỎ PHẢI” trên tài liệu mẫu so sánh, kí hiệu M2 là do cùng một người ký ra.

Căn cứ vào kết luận giám định trên có cơ sở xác định bà H, ông D có ký hợp đồng và lấn tay vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản) ký ngày 03/9/2011. Ông Mã T xác định thực tế 02 bên chuyển nhượng cả nhà và đất, nhưng do nhà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nên 02 bên không thể hiện nội dung chuyển nhượng nhà trong hợp đồng ngày 03/9/2011. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản) ký ngày 03/9/2011 có nội dung “ Hai bên đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất” không có nội dung chuyển nhượng nhà trên đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Mã T và ông Huỳnh Hồng D thống nhất xác định căn nhà đang tọa lạc trên đất diện tích 43,6m². Như vậy, thực tế khi 02 bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng căn nhà có tồn tại trên đất nhưng hợp đồng chỉ thể hiện chuyển nhượng đất không có tài sản là không phù hợp thực tế và hợp đồng không thể thực hiện được. Do vậy, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/9/2011 giữa ông Mã T và bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D về nội dung đã vi phạm nên giao dịch trên bị vô hiệu ngay tại thời điểm xác lập, do giao dịch bị vô hiệu nên hai bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; bên có lỗi phải bồi thường theo quy định tại Điều 137 của Bộ luật dân sự 2005. Xét về lỗi của các bên trong giao dịch hợp đồng bị vô hiệu thấy rằng: Khi ký kết hợp đồng bên chuyển nhượng bà H , ông D và bên nhận chuyển nhượng ông Mã T đều biết trên đất có tồn tại căn nhà nhưng khi ký kết hợp đồng thể hiện là hợp đồng không có tài sản, do đó lỗi mỗi bên là 50/50. Giá trị của hợp đồng là 300.000. 000 đồng; theo biên bản định giá ngày 23/6/2017 là 470.880.000 đồng; số tiền chênh lệch là 170.880.000 đồng. Bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Mã T 50% giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất là 85.440.000 đồng. Tổng số tiền bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D phải trả cho ông Mã T là 300.000.000 đồng + 85.440.000 đồng = 385.440.000 đồng.

[4] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mã T về việc yêu cầu bà H, anh D giao trả diện tích đất 43,6m² thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Không đồng ý giao trả quyền sử dụng đất với giá trị thành tiền là 470.880.000 đồng; không đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, phí trích lục hồ sơ, chi phí giám định. Đề nghị hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Mã T, ông Huỳnh Tư H1 và ông Lê Tiến L1. Đề nghị ông Tường, ông H1, ông L1 giao trả nhà và đất ở đối với thửa số 07, tờ bản đồ số 30 với diện tích 169,5m², được thành lập năm 1997; buộc ông T, ông H1 và ông L1 tháo dỡ công trình kiến trúc đã xây dựng di dời đi nơi khác, ông T và ông

H1 phải bồi thường thiệt hại về việc tự ý hủy hoại tài sản là đất và nhà ở của gia đình bà H và anh D. Hội đồng xét xét thấy: Như đã phân tích ở mục [3] vào ngày 03/9/2011 bà Huỳnh Kim H và con trai là ông Huỳnh Hồng D thực tế có chuyển nhượng cho ông Mã T quyền sử dụng đất diện tích 43,6m² thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 30, địa chỉ thửa đất tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu với giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 127/GĐ-2018 ngày 28/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu xác định: Dấu vân tay của ông D và bà H trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 03/9/2011 đúng là dấu vân tay của bà H và ông D. Nên có căn cứ xác định giữa ông T, bà H và ông D có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản) vào ngày 03/9/2011. Do đó, ông D cho rằng ông T làm giả hợp đồng chuyển nhượng là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc ông D cho rằng vào khoảng tháng 5 năm 2010 ông D và bà H có vay của ông T số tiền 150.000.000 đồng, có làm giấy viết tay, lãi suất 5% mỗi tháng. Sau đó, ông D và bà H có ký hợp đồng vay tiền với ông T vào ngày 03/9/2011. Hợp đồng vay tiền có mẫu và hình thức như hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông T cung cấp cho Tòa án. Ông T đã tính vốn gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi, tổng cộng thành 300.000.000 đồng. Ông T thể hiện trong hợp đồng là ông D và bà H có vay của ông T 300.000.000 đồng, lãi suất 5% mỗi tháng, trả góp hàng tháng.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông D có cung cấp tài liệu là “biên nhận với ông Mã T”, biên nhận gồm có hai trang mặt trước và mặt sau. Tại mặt trước của biên nhận có thể hiện ông D đã đóng lãi cho ông T tổng cộng 06 lần, lần thứ nhất đóng lãi là tháng 8/2010, mỗi tháng đóng lãi một lần số tiền là 7.500.000 đồng, ông T có 04 lần ký nhận và 02 lần người nhận là cháu ông T. Tại mặt sau của biên nhận thể hiện đã thanh toán dứt nợ tiền vay cho ông T tổng cộng là 300.000.000 đồng, ông T có ký tên phía dưới.

Ông Mã T và vợ là bà Quách Thị T1 xác định ngày 18/7/2010 (ngày 07/6/2010 âm lịch) có cho bà H và ông D vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 5% mỗi tháng, thành tiền là 7.500.000 đồng mỗi tháng, đóng lãi mỗi tháng. Bà H và ông D đã đóng lãi cho ông T tổng cộng 06 tháng, tổng cộng 45.000.000 đồng. Tại “biên nhận với ông Mã T” do ông D nộp có thể hiện đóng lãi cho ông T, theo biên nhận này thì ông T có nhận của ông D 06 lần tính từ trên xuống của biên nhận, 04 lần ông T trực tiếp nhận, 02 lần tiếp theo do cháu ông T tên M1 nhận. Đến ngày 10/02/2011 bà Huệ và ông D ngưng đóng lãi. Khi vay không có lập biên nhận nhưng khi đóng lãi có lập biên nhận, biên nhận đóng lãi do ông D giữ và đã nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, biên nhận này ông D đã tự ý ghi thêm vào phần đã thanh toán xong cho ông T số tiền 300.000.000 đồng và giả chữ ký ông T phía dưới nội dung đã thanh toán xong nợ chứ không phải chữ ký của ông T.

Đến ngày 03/9/2011 bà H và ông D đề nghị chuyển nhượng cho ông T quyền sử dụng đất diện tích 43,6m², thửa số 7, tờ bản đồ 30, địa chỉ thửa đất tại đường V, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và một căn nhà trên đất, giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng, ông T đồng ý. Số tiền chuyển nhượng trừ số tiền vay 150.000.000 đồng, trừ 06 tháng tiền lãi chưa đóng đến ngày chuyển nhượng là 45.000.000 đồng, ông T giao cho ông D và bà H số tiền 105.000.000 đồng là đủ số tiền chuyển nhượng nhà và đất là 300.000.000 đồng. Khi ký hợp đồng chuyển nhượng xong là giao tiền ngay cho anh D và bà H, không lập biên nhận.

Tại kết luận giám định số 226/GĐ-2018 ngày 20/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: Chữ ký tại dòng 3, trang 2, góc trên bên phải trên dòng chữ có nội dung “Đã thanh toán” trên “BIÊN NHẬN VỚI ÔNG MÃ T” ký hiệu A so với các chữ ký tại dòng 4, 10, 14 trang 01 đứng tên Mã T trên cùng tài liệu ký hiệu M không do cùng một người ký ra. Căn cứ kết luận giám định nêu trên, lời trình bày của ông T về việc chữ ký phía dưới nội dung đã thanh toán xong nợ thể hiện tại “biên nhận với ông Mã T” không phải do ông T ký. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông Huỳnh Hồng D về việc đã trả cho ông Mã T số tiền vay 300.000.000 đồng.

[5] Đối với kháng cáo của bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D không đồng ý giao trả giá trị quyền sử dụng đất là 470.880.000 đồng. Xét thấy, như đã phân tích ở mục [3] do Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản) ký ngày 03/9/2011 là vô hiệu từ thời điểm ký kết. Đồng thời, đã giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, theo đó bà H, ông D có nghĩa vụ trả cho ông Mã T số tiền 385.440.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo này của bà H, ông D.

[6] Đối với kháng cáo của bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D không đồng ý chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, phí trích lục hồ sơ, chi phí giám định. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định của về chi phí giám định: *Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ*. Việc ông Mã T giám định có căn cứ nên ông Mã T không phải chịu. Và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về chi phí định giá: *Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận*. Ông Mã T khởi kiện nhưng có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản) ngày 03/9/2011 vô hiệu, lỗi của 02 bên được tính là 50/50 nên ông T phải chịu một phần chi phí chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, phí trích lục hồ sơ; bà H và ông D phải chịu một phần chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chi phí trích lục hồ sơ, riêng chi phí giám định phải chịu toàn bộ như án sơ thẩm giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho ông Mã T, ông Huỳnh Tư H1 và ông Lê Tiến L1. Đề nghị ông T, ông H1, ông L1 giao trả nhà và đất ở đối với thửa số 07, tờ bản đồ số 30 với diện tích 169,5m², được thành lập năm 1997; buộc ông T, ông H1 và ông L1 tháo dỡ công trình kiến trúc đã xây dựng di dời đi nơi khác, ông T và ông H1 phải bồi thường thiệt hại về việc tự ý hủy hoại tài sản là đất và nhà ở của gia đình bà H và anh D. Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Mã T ngày 17/7/2015. Như đã phân tích, do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản) ngày 03/9/2011 bị vô hiệu ngay từ khi được xác lập. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản) ngày 03/9/2011 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Mã T ngày 17/7/2015. Riêng đối với ông Lê Tiến L1, ông Huỳnh Tư H1 không liên quan đến vụ án này nên không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Mã T; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hồng D; không có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 54/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm ông Mã T phải chịu 300.000 đồng. Bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 157; Điều 161; Điều 165; khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điểm a khoản 3 Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 122, 450, 492, 689, 692, 697, 698 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 93 Luật Nhà ở năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2003/

NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Mã T; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Kim H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hồng D. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 54/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mã T đối với bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D về việc yêu cầu bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D đòi quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mã T đối với bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D về việc yêu cầu bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D giao trả lại phần đất lộ giới thu hẹp lại và căn nhà trên đất tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản) lập ngày 03/9/2011 giữa ông Mã T với bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D.

3. Giao cho bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D quyền sử dụng đất nằm ngoài lộ giới diện tích 43,6m² và phần đất lộ giới thu hẹp lại diện tích 30,23m², thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 30 và toàn bộ căn nhà trên đất tại số I, đường V, Khóm Z, Phường L, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất có vị trí cụ thể như sau:

+ Phần đất thuộc phạm vi lộ giới quy hoạch cũ đã được thu hẹp lại:

- Hướng Đông: Giáp thửa đất 98, có số đo 6,07m;
- Hướng Tây: Giáp thửa đất 06, có số đo 6,07m;
- Hướng Nam: Giáp chỉ giới quy hoạch mới đường V, có số đo 4,90m;
- Hướng Bắc: Giáp thửa đất số 07 phần ngoài lộ giới, có số đo 5,05m.

+ Phần đất ngoài phạm vi lộ giới quy hoạch:

- Hướng Đông: Giáp thửa đất 98, có số đo 9,30m;
- Hướng Tây: Giáp thửa đất 06, có số đo 7,55m;
- Hướng Nam: Giáp chỉ giới quy hoạch cũ đường V (phần đất lộ giới thu hẹp lại nêu trên), có số đo 5,05m;
- Hướng Bắc: Giáp thửa đất số 01, có số đo 5,30m.

Bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D có quyền đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất theo quy định pháp luật.

4. Bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D trả cho ông Mã T số tiền 385.440.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

5. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 605863 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Mã T ngày 17/7/2015.

6. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Hồng D về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 03/9/2011 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho ông Mã T ngày 17/7/2015.

7. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông Mã T và bà Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Hồng D phải chịu 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng). Ông T đã nộp và chi xong, bà H và ông D có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Tường 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng).

- Chi phí giám định: Ông Huỳnh Hồng D và bà Huỳnh Kim H phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Ông T đã nộp và chi xong, bà H và ông D có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Kim H và anh Huỳnh Hồng D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Ông D đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008243 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc L được đối trừ. Ông D được hoàn lại 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).

Ông Mã T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí, ông T đã nộp số tiền 200.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001822 ngày 28/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B nay được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mã T chịu 300.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0000183 ngày 14/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bà Huỳnh Kim H và ông Huỳnh Hồng D không phải chịu. Bà H, ông D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 600.000 đồng tại các biên lai thu số 0000193 và 0000192 cùng ngày 18/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu mỗi người được hoàn lại 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (2b);
- TAND TPBL (1b);
- VKSND TPBL (1b);
- Chi cục THADS TPBL (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu HS, TDS.

Đã ký

Nguyễn Lệ Kiều